

PHƯƠNG THỨC TRUYỀN BÁ VĂN HÓA CỦA CÁC NƯỚC CHÂU ÂU

TSKH. Lương Văn Kế

Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn

1. Mục đích truyền bá của các nước phương Tây

a. Mục đích kinh tế

Công việc truyền bá văn hoá ra nước ngoài của các nước phương Tây có khác biệt khá lớn trước hết với hoạt động kinh tế. Vì trái với hoạt động kinh tế, theo đó các quốc gia tiến hành các hoạt động kinh tế đối ngoại là nhằm *thu về* lợi ích cho mình, hoạt động văn hoá đối ngoại lại nhằm mục đích *phát tán* những hạt giống văn hoá đến các miền đất mới và các nước thường phải *chi tiền* ra để làm việc đó. Hai mục đích nhìn bề ngoài có vẻ trái ngược nhau, nhưng thực chất chúng hỗ trợ nhau để đạt mục đích chung là *thu về* cả mối lợi vật chất lẫn tinh thần cho quốc gia của họ. Đôi khi mối lợi tinh thần còn quan trọng và có tác dụng lâu bền hơn nhiều so với mối lợi vật chất. Sự truyền bá văn hoá nhằm tác động lên các xã hội bên ngoài là một vũ khí lợi hại mà trong nghiên cứu chính trị hiện đại người ta gọi nó là *sức mạnh mềm* (soft power).

b. Mục đích chính trị

Việc truyền bá văn hoá của các nước phương Tây cũng khác với hoạt động chính

trị, bởi vì mục đích của truyền bá chính trị dường như trực tiếp hơn, cụ thể hơn, mang tính thời sự hơn và có quan hệ mật thiết với kinh tế hơn là với truyền bá văn hoá. Chẳng hạn trong quan hệ quốc tế, các hợp tác chính trị giữa hai nhà nước thường đưa đến các thoả thuận liên kết quốc tế hay giải quyết các vấn đề quốc tế về kinh tế, an ninh, môi trường. Hệ thống quyền lực chính trị luôn luôn là công cụ của các tập đoàn kinh tế. Do vậy, hợp tác chính trị giữa các nhà nước thường mở đường và thúc đẩy cho hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư. Chúng ta không còn ngạc nhiên khi thấy đồng hành với các chuyến thăm viếng của lãnh đạo Nhà nước bao giờ cũng là một đoàn các doanh nhân hùng hậu, và kết quả chuyến thăm thường được thể hiện qua số lượng các hợp đồng kinh tế và số tiền được cam kết cho hợp tác.

Mặt khác, người ta cũng thấy việc ký kết các văn bản hợp tác văn hoá giữa các nước phương Tây và các nước phi phương Tây, nhất là các nước Hồi giáo. Không giáo thường rất khó khăn, trong đó khó khăn nhất là vấn đề văn hoá phẩm. Điều đó nói lên sự gắn bó mật thiết giữa chính trị và văn hoá.

Sở dĩ thế là vì các giá trị cao nhất của chính trị chính là dựa trên giá trị văn hoá. Chúng phản ánh niềm tin, lý tưởng, đạo lý và nền tảng tinh thần của cả một xã hội. Do đó, truyền bá văn hoá cũng có nghĩa là truyền bá chính trị, cho dù không phải hiện tượng văn hoá nào cũng mang tính chính trị, và ngược lại. Sự phân biệt một xã hội dân chủ và tự do và một xã hội toàn trị, chuyên chế thể hiện chính ở mức độ khoan dung (tolerance) của các thể chế quốc gia đối với các giá trị văn hoá bên trong các hiện tượng văn hoá cũng như chính trị. Vì thế, các nước phương Tây cũng như mọi quốc gia có tiềm lực khác đều muốn thông qua truyền bá văn hoá mà nâng cao uy tín, vị thế của nước mình trên vũ đài chính trị thế giới. Nói theo ngôn ngữ chính trị đương đại là nâng cao vị thế quốc gia bằng *sức mạnh mềm*. Một số nhà nghiên cứu cho rằng sức mạnh mềm là sức hấp dẫn tự thân của các xã hội bởi tính ưu việt của nó. Hàm chỉ ở đây là mô hình xã hội dân chủ đem lại tự do và hạnh phúc cho từng cá nhân con người. Nhưng điều đó không có nghĩa là bằng nhiều đặc tính ưu việt của mình, các quốc gia Tây Âu, Bắc Mỹ chỉ việc “ngồi im”, “toạ hưởng kỳ thành”. Trái lại, các chủ thể của các quốc gia phương Tây như chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và dân sự, các doanh nghiệp và thậm chí là cá nhân công dân đều rất nỗ lực hoạt động để quảng bá văn hoá của nước mình ra thế giới.

c. Mục đích văn hoá

Tuy nhiên cũng không nhất thiết phải thổi phồng mục đích chính trị (tiêu cực) của truyền bá văn hoá. Mà việc truyền bá văn

hoá phương Tây có thể chỉ nhằm mục đích văn hoá thuần túy, chẳng hạn nâng cao dân trí. Bởi vì không một nền văn hoá nào là hoàn hảo, nó luôn luôn cần trao đổi với bên ngoài để tăng thêm sinh khí và nội lực, bổ khuyết những khía cạnh còn yếu và thiếu, học hỏi thêm kinh nghiệm phát triển từ các dân tộc có nền văn hoá tiên tiến, và thoả mãn nhu cầu ngày càng tăng và ngày càng đa dạng của nhân dân mỗi nước trong quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Mặt khác, xét về chủ thể truyền bá thì không nhất thiết đó là do các nhà nước phương Tây hay các thể lực phương Tây “thù địch” với các nước đang phát triển tiến hành, mà việc đó có thể do chính người dân hay các tổ chức kể cả của nhà nước các nước phi phương Tây thực hiện. Có cả một đối tượng đặc thù là các quan chức cao cấp hay thuộc diện “qui hoạch” của các nước đang phát triển như Việt Nam được cử đi học tại các nước phương Tây, tức là người ta phái giới tinh hoa của quốc gia đi học văn hoá phương Tây, trước hết là học tiếng Anh, Pháp, Đức, học văn hoá chính trị, văn hoá quản lý của phương Tây để về áp dụng trong nước mình. Người ta cũng chủ động tiếp thu văn hoá phương Tây ở ngay trong nước chứ không nhất thiết phải “đi Tây”. Đó là việc được học tập ở các trường quốc tế do các nước hay các công ty phương Tây mở tại ban địa, tức là được học “trường Tây” tuy với cái giá thường khi “cắt cổ”. Dưới sự đào tạo của các “thầy Tây”, với nội dung hoàn toàn “Tây” và cung cách quản lý và đào tạo kiểu Tây, người ta hy vọng được tiếp nhận một

nền học vấn phương Tây hoàn chỉnh mà không nhất thiết phải “đi Tây”. Đáng tiếc, trên thực tế đôi khi người ta chỉ được học tập ở một trường Tây rôm, lấy được một cái bằng, thậm chí bằng tiến sĩ “Tây rôm”.

Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận rằng chủ thể chủ yếu của truyền bá văn hoá phương Tây chính là người phương Tây. Phần lớn các hoạt động truyền bá văn hoá của họ đều nhằm mục đích nâng cao uy tín văn hoá của nước mình, dân tộc mình (trước khi nói đến uy tín của cả phương Tây). Ví dụ, người Đức luôn luôn tự hào rằng ở một nước Đông Nam Á xa xôi là Việt Nam lại có một cộng đồng nói tiếng Đức lên tới cả trăm ngàn người. Đây là cộng đồng nói tiếng Đức đông nhất châu Á. Họ tự hào hơn nữa bởi hoạt động của Viện Goethe ở Việt Nam rất có hiệu quả. Hàng chục ngàn người theo học các chương trình tiếng Đức với học phí không hề rẻ. Các chương trình hợp tác văn hoá như tuần, tháng phim Đức, năm Đức ở Việt Nam (2009-2010), tuần âm nhạc châu Âu, triển lãm nghệ thuật v.v... luôn luôn đầy ắp người xem. Nhờ thế, ấn tượng về một nước Đức “hiếu chiến”, con người lạnh lẽo, thô bạo, bùn xìn... đã biến mất, mà thay vào đó là hình ảnh một đất nước yêu hoà bình, con người thông minh, trung hậu, làm ra các sản phẩm chất lượng tuyệt hảo v.v... đã hình thành. Tinh hũu nghị có từ ngày CHDC Đức đã không những không suy giảm, mà phát triển ngày càng bền chặt, tin cậy và đạt thành tựu rực rỡ. Hỏi có một hạnh phúc nào hơn thế cho một đất nước ở phương Tây? Với các nước như Thụy Điển, Phần Lan, Hà Lan hay

nước Pháp (cựu thù của Việt Nam) cũng vậy. Vì thế chúng ta cần ghi nhận cống hiến của các nước phương Tây trong việc góp phần phát triển và hiện đại hoá văn hoá Việt Nam.

Cũng cần phải nói rằng đây đó văn hoá phương Tây được truyền bá không đạt kết quả như ý, chẳng hạn như một số nét tiêu cực hay cực đoan hàm chứa trong các sản phẩm văn hoá phương Tây được du nhập vào các nước đang phát triển, nhất là ở thanh thiếu niên ít học, như các mốt trang phục, đầu tóc kỳ dị, hành vi tự do quá trớn, thiếu tôn trọng người già, coi nhẹ giá trị gia đình v.v... Nhưng đây không phải là mục đích của truyền bá văn hoá phương Tây, mà chỉ là những hiện tượng “ăn theo” đáng tiếc cần thanh lọc.

2. Các phương thức truyền bá văn hoá của các nước Tây Âu

a. Thông qua truyền bá Thiên Chúa giáo

Khi so sánh về sự truyền bá văn hoá giữa Tây Âu và Bắc Mỹ (chủ yếu là nước Mỹ), người ta thấy họ có những điểm chung nhưng cũng có những điểm khác biệt cả về lịch sử, mục đích và phương thức tiến hành. Do đó cần phân tích riêng biệt cách thức truyền bá văn hoá của hai nhóm chủ thể này.

Giáo lý Thiên Chúa giáo là một trong những nền tảng của văn minh phương Tây, làm nên giá trị và sự phát triển đặc thù của nền văn minh này. Tuân theo lời răn của Chúa, trên thực tế Giáo hội các nước phương Tây đã huy động tổng hợp các phương thức khác nhau để truyền bá hệ giá trị của mình ra

các khu vực khác. Tuy nhiên trong các phương tiện ấy, ngoài việc xác lập quyền thống trị về chính trị và kinh tế của châu Âu ra, trên khía cạnh văn hoá, việc truyền giáo mang tính chất đa mục tiêu: Một mặt, nó truyền bá bản thân giáo lý Thiên Chúa giáo, mở rộng số lượng tín đồ và xác lập quyền lực tinh thần của Giáo hội trên thế giới; Mặt khác, việc truyền giáo cũng đồng thời là truyền bá hàng loạt giá trị khác của văn hoá châu Âu bên cạnh giá trị Thiên Chúa giáo. Năm 1975, Giáo hoàng Phaolô VI và Đại diện Giám mục thế giới họp tại Roma thảo luận về *bản tính trung tâm của Giáo hội chính là truyền giáo*. Một năm sau, 1976, Giáo hoàng Phaolô VI đã ban hành Tông Thư Mục vụ lịch sử về Truyền giáo, kêu gọi mọi phần tử của Giáo hội hãy dấn thân vào thế giới bằng việc làm cho thế giới biết về tôn Danh, Giáo huấn và Đời sống, Lời hứa, Nước Trời và Mầu Nhiệm của Chúa Jesus và tin theo Ngài. Trong suốt gần 30 năm qua, có rất nhiều hội nghị đã khai thác và tìm ra các nhu cầu của Giáo hoàng thông qua Tông Thư này. Giáo hoàng đương kim Benedicto XVI trong Sứ điệp Truyền giáo nhân Ngày Quốc tế Truyền giáo năm 2006 đã viết về mục đích truyền giáo như sau: "... Để yêu thương theo mẫu gương của Thiên Chúa, cần phải sống trong Chúa và sống nhờ Chúa: chính Thiên Chúa như "Căn nhà đầu tiên" của con người; và chỉ ai ở lại trong Thiên Chúa, người đó mới cháy sáng lên ngọn lửa tình thương của Thiên Chúa, một tình thương có sức "đốt nóng" thế gian. (...). Chăm sóc truyền giáo đích thật là một dấn thân ưu tiên của cộng đoàn Giáo hội, và rằng

việc chăm sóc truyền giáo đích thật này được kết liền với sự trung thành sống tình thương Thiên Chúa; điều này đúng cho mọi người Kitô, cho mọi cộng đoàn địa phương, cho các Giáo hội địa phương, và cho toàn thể Dân Chúa."¹

Đây chính là bí quyết cho sự phong phú tông đồ của hoạt động truyền giáo, một hoạt động vượt qua những ranh giới và những nền văn hoá, một hoạt động đến với các dân tộc và được phổ biến cho đến tận cùng thế giới.

Trong sự nghiệp truyền giáo, phẩm chất của nhà truyền giáo có tính quyết định đến thành công của Giáo hội. Phẩm chất đó có thể bao gồm: Sự nhiệt tâm và trung thành xá thân đến cùng cho Thiên chúa; Sự tinh thông giáo lý; Khả năng thấu hiểu văn hoá và con người bản địa (nơi truyền giáo); Khả năng giao tiếp đặc biệt là hợp tác với nhà nước sở tại. *Alexandre de Rhodes* trong sự nghiệp truyền giáo ở châu Á trong đó có Việt Nam cũng là một tấm gương tiêu biểu về đức hy sinh cho Thiên Chúa.²

b. Thông qua chủ nghĩa thực dân

Mặc dù chủ nghĩa thực dân ra đời rất muộn ở thế kỷ XVI nhưng nó đã nhanh chóng trở thành một tiêu chí địa chính trị của phương Tây: Đã là một cường quốc đương nhiên nó phải có thuộc địa, càng rộng càng tốt, càng đứng ở đỉnh cao của quyền lực. Cho đến giữa thế kỷ XX, diện tích thuộc địa

¹ http://fmavtn.org/index.php?option=com_content&view=article&id=264:s-eip-truyn-giao-2006&catid=40:s-ip-ngay-truyn-giao&Itemid=489

² Tham khảo: http://vi.wikipedia.org/wiki/Alexandre_de_Rhodes

của chủ nghĩa thực dân đã lên xấp xỉ 75 triệu km².³ Trên nền tảng của chủ nghĩa thực dân, văn minh phương Tây đã được truyền bá ra khắp các thuộc địa ở châu Phi, châu Á và châu Mỹ Latin. tuy mức độ thành công, sự sâu sắc của nó là không giống nhau ở các thuộc địa. Ta có thể lấy một số sự kiện tiêu biểu cho vai trò của chủ nghĩa thực dân châu Âu đối với thay đổi về văn hoá của các thuộc địa. Ảnh hưởng văn hoá bởi chủ nghĩa thực dân thể hiện trên các khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, về cách thức quản lý. Hầu hết các nước châu Phi ngày nay trước đây vốn là các đơn vị hành chính của chính quyền thực dân, mà mục đích của chính quyền thực dân là thống trị và nô dịch hoá, cách thức lãnh đạo theo chế độ gia trưởng độc đoán, đàn áp quần chúng nhân dân. Về phương diện pháp lý và cả trên thực tế, chính quyền thực dân coi dân bản địa là những đối tượng bị giám sát và quản chế, không phải là những công dân thực sự.⁴

Thứ hai, các nước đế quốc đã tạo dựng một thể chế chính trị ở các nước thuộc địa dựa trên cơ cấu lập hiến của chính quyền thực dân. Thậm chí ở nhiều nước châu Á và châu Phi, các chính quyền thực dân là người đầu tiên xác lập đường biên giới lãnh thổ quốc gia thay cho việc dựa vào tập quán văn hoá của dân cư vốn rất mơ hồ và gây xung đột triền miên trong lịch sử các khu vực

này.⁵ Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, các cuộc đấu tranh vũ trang giành độc lập ngày càng trở nên quyết liệt. (Các nước ở Angiêri từ 1954-1962, Ghinê Bitxao từ 1961-1974, Môđambich từ 1964-1975, Zimbabuê từ 1973-1979). Chính quyền thực dân thấy rõ sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc ở châu Phi và bắt đầu áp dụng chính sách mềm dẻo bằng cách rút quân và tiến hành đàm phán với các lực lượng giải phóng dân tộc về việc trao trả độc lập. Tuy nhiên, điều khoản trao trả độc lập này đi kèm với lời mời tạo dựng một *thể chế chính trị dựa trên cơ cấu lập hiến của chính quyền thực dân*. Các quốc gia châu Phi nhanh chóng chuyển đổi từ chế độ thực dân nô dịch hoá sang chế độ dân chủ đại nghị (mặc dù sau này chế độ dân chủ đại nghị chỉ tồn tại ở một số nước châu Phi). Mô hình thể chế châu Âu ảnh hưởng trực tiếp trong việc thành lập Nghị viện Châu Phi, các nhà nước đa đảng phái, việc cải cách hiến pháp, luật pháp, cơ chế bầu cử.

Thứ ba, gây dựng những cơ sở giáo dục, khoa học và truyền thông đầu tiên ở các thuộc địa theo hình mẫu của mẫu quốc. Cho dù còn nhiều đánh giá tiêu cực về vai trò của chủ nghĩa thực dân, nhưng dù thế nào thì đây vẫn được xem là một trong những cống hiến quan trọng nhất mà các nước thực dân châu Âu đem lại cho các nước thuộc địa. Ví dụ, với chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương, ngay từ năm 1865 sau khi chiếm thành Gia Định (Sài Gòn), tờ báo bán xứ bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên mang tên *Gia định báo* đã

³ Các số liệu từ: Từ Thiên Ân... (chủ biên): *Lịch sử thế giới thời hiện đại (1900-1945)*. Người dịch: Phong Dao. Tp HCM, 2002, tr. 36.

⁴ Trần Thị Thái: *Ảnh hưởng của văn hoá phương Tây và Mỹ đối với châu Phi và kinh nghiệm ứng xử*. Báo cáo tại Hội thảo khoa học Đề tài KX03.09/06-10, Hà Nội, 2008.

⁵ Heidiues, Mary Somers: *Lịch sử Đông Nam Á*, Biên dịch: Huỳnh Kim Oanh – Phạm Viêm Phương, Hà Nội, 2007, tr. 7-38.

được xuất bản. Cho đến vài thập niên đầu thế kỷ XX, Việt Nam đã có hàng chục tờ báo đại chúng góp phần quan trọng nâng cao dân trí và thống nhất xã hội. Lần đầu tiên các thuộc địa có một hệ thống giáo dục phổ thông hoàn chỉnh và mang tính công lập từ tiểu học đến bậc tú tài (trung học phổ thông). Các trường đại học khoa học và ứng dụng đầu tiên, các viện nghiên cứu đầu tiên và các bệnh viện nhân dân và các cơ sở y tế cộng đồng đầu tiên cũng được xây dựng.

Thứ tư, trên cơ sở nền giáo dục ngày một phát triển và dân trí ngày một nâng cao, một nền văn chương và nghệ thuật mới thấm đẫm tinh thần hiện đại của phương Tây đã ra đời. Điều này thể hiện đặc biệt rực rỡ ở Việt Nam. Cho đến cuối thập niên 1930 Việt Nam thực sự đã có một nền văn học mới với những tên tuổi lẫy lừng như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng; Cả một phong trào văn xuôi và tiểu thuyết tập hợp trong *Tự lực văn đoàn*; Hàng chục nhà thơ tập hợp lại dưới phong trào *Thơ mới* đã thực sự tạo ra cuộc cách mạng thi ca trong lịch sử văn chương hàng ngàn năm của Việt Nam. Trường cao đẳng Mỹ thuật và trường Âm nhạc đầu tiên cũng ra đời ở thập niên 1920.

Tóm lại, có thể nói, tuy chủ nghĩa thực dân không có mục đích “khai hoá” như nó vốn tuyên truyền, nhưng trong quá trình khai thác thuộc địa phục vụ lợi ích kinh tế của mình, chủ nghĩa thực dân đã đem lại những biến đổi khách quan và rất căn bản cho đời sống xã hội và văn hoá của các nước thuộc địa. Thông qua đó các tư tưởng và nhiều giá

trị quan trọng khác thấm đẫm chủ nghĩa nhân văn phương Tây đã được truyền bá rộng rãi, thúc đẩy quá trình hiện đại hoá và cá chủ nghĩa dân tộc và phong trào giải phóng của các dân tộc thuộc địa sau này.

c. Thông qua truyền thông đại chúng và trao đổi văn hoá, giáo dục

Các nước Tây Âu cũng sử dụng các công cụ khác nữa giống như nước Mỹ để truyền bá văn hoá và giá trị châu Âu ra nước ngoài. Đó là các công cụ kinh tế, truyền thông đại chúng (TV, radio, báo chí, Internet), hoạt động của các tổ chức phi chính phủ tại nước sở tại, nhất là của các viện văn hoá như Hội đồng Anh, Viện Goethe, Trung tâm Văn hoá Văn minh Pháp, Viện Servantez; hoặc thông qua các hợp tác và giao lưu văn hoá và giáo dục, các tổ chức đại diện đảng phái chính trị, quỹ hỗ trợ phát triển v.v...

Các nước này cũng đặc biệt chú ý phát huy vai trò của những cựu du học sinh hoặc những người được đào tạo và làm việc lâu năm ở châu Âu trong việc truyền bá văn hoá châu Âu ở nước sở tại. Hàng năm họ đều cấp học bổng cho một số người được chọn lọc trở lại tham quan, nghiên cứu, tạo điều kiện cho họ có quan hệ hợp tác với các đồng nghiệp châu Âu. Nếu may mắn trong số cựu du học sinh đó có người nắm các cương vị chủ chốt cấp cao trong chính phủ sở tại, thì họ cũng rất nỗ lực và tinh tế trong việc hỗ trợ những người này củng cố uy tín chính trị thông qua các chương trình hợp tác mà người này có ảnh hưởng. Nhờ đó mà hình ảnh về đất nước, con người, nền văn hoá của

họ được quảng bá sâu rộng ở nước sở tại, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc hợp tác kinh tế và chính trị, đem lại lợi ích nhiều mặt cho họ trên vũ đài quốc tế. Chẳng hạn, hiện nay có tới 5.000 sinh viên Việt Nam đang theo học tại Vương quốc Anh (so với Mỹ 13.000), trong đó có hàng nghìn sinh viên được cấp học bổng hàng năm. Riêng Chương trình Học bổng Chevening thuộc Bộ Ngoại giao Anh nhận được các nguồn tài trợ chính từ Bộ Ngoại giao Anh, từ các trường/viên giáo dục đại học, các tổ chức khác tại Vương quốc Anh và nước ngoài. Chương trình học bổng Chevening tại Việt Nam bắt đầu từ năm học 1993/1994 và từ đó đến nay đã cấp gần 300 suất học bổng cho những sinh viên và cán bộ trẻ xuất sắc của Việt Nam.⁶

Về hoạt động của các cơ quan và tổ chức phi chính phủ trong truyền bá văn hoá phương Tây, chúng ta có thể lấy trường hợp điển hình là hoạt động của Hội đồng Anh (British Council) tại Việt Nam gần đây làm ví dụ. Thông qua Hội đồng Anh, trong những năm qua, Đại sứ quán Anh tại Hà Nội đã ưu tiên tài trợ cho hàng loạt dự án tăng cường năng lực báo chí, thúc đẩy tiếp cận thông tin, tự do trình bày tư tưởng (và đối phó với biến đổi khí hậu). Họ thúc đẩy hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực tư pháp, luật pháp và nghị viện. Hai quỹ được tài trợ bởi Đại sứ quán Anh tại Hà Nội và Bộ Ngoại giao Anh là *Quỹ Dự án Anh - Việt* và *Quỹ*

Chương trình Chiến lược (SPF). Mục tiêu chính của các quỹ trên là:

- Tăng cường quan hệ chính trị giữa Anh và Việt Nam và hội nhập quốc tế của Việt Nam;
- Tăng cường bảo đảm quyền dân sự và chính trị của người dân, phù hợp với những cam kết quốc tế và mục tiêu phát triển bền vững dài hạn của Việt Nam;

Đặc biệt Quỹ Chương trình Chiến lược là chương trình tài trợ lớn nhất của Bộ Ngoại giao Anh, có mục tiêu hỗ trợ tài chính cho các dự án trên toàn thế giới nhằm phục vụ cho các mục tiêu chiến lược toàn cầu của chính phủ Anh, trong đó *chủ yếu là thúc đẩy nhân quyền và dân chủ*. Quỹ có mặt tại Việt Nam từ năm 2005. Năm 2009/2010, Quỹ Dự án Anh-Việt đã tài trợ cho một sáng kiến nhằm giúp Quốc hội Việt Nam tăng cường tiếp xúc và lắng nghe ý kiến người dân thông qua trang web *Yoosk*. Công cụ giao lưu trực tuyến này đã đi vào hoạt động từ tháng 2 năm 2010. Về quyền con người, hoạt động của Quỹ đặt ra các mục tiêu:

- Tăng cường các cơ chế bảo vệ nhân quyền của quốc gia và quốc tế, nâng cao vai trò giám sát của xã hội dân sự và báo chí đối với các cơ chế này;
- Đẩy mạnh việc áp dụng các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế trong công tác quản lý trại giam, quá trình điều tra và xét xử, và công việc của cảnh sát;
- Giảm số tội danh và tiến tới xóa bỏ án tử hình nếu có thể.

⁶ <http://ukinvietnam.fco.gov.uk/vi/about-us/working-with-vietnam/dfid-development>

Về thúc đẩy dân chủ và nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước nhằm đạt các mục tiêu:

- Tăng cường khả năng của xã hội dân sự trong việc tạo ảnh hưởng đối với các cơ quan nhà nước, giám sát và yêu cầu các cơ quan nhà nước phải giải trình về công việc của mình;

- Xây dựng các luật liên quan tới quyền tự do thông tin, cải thiện môi trường hoạt động của báo chí, tạo điều kiện cho báo chí trở nên năng động và hiệu quả hơn.

Trong giai đoạn 2009-2011, các chương trình dự án của Quỹ này tập trung vào các mục tiêu:

- Hỗ trợ Bộ Tư pháp soạn thảo *Luật Tiếp cận thông tin* thông qua chia sẻ kinh nghiệm và tư vấn về kỹ thuật, tổ chức hội thảo (vào tháng 5 năm 2009) để các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam và các chuyên gia quốc tế trao đổi về tầm quan trọng của Luật nói trên đối với việc nâng cao tính hiệu quả trong quản trị nhà nước và công cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Các vấn đề kỹ thuật liên quan tới quá trình soạn thảo Luật cũng được đề cập cụ thể trong hội thảo.

- *MediaPro* - dự án có mục tiêu cải tiến công tác đào tạo báo chí ở cấp đại học theo hướng đặt trọng tâm vào thực hành, vào vấn đề đạo đức nghề nghiệp và tăng cường sự tham gia của các cơ quan báo chí vào quá trình đào tạo trong nhà trường. Dự án hai năm này đã tạo điều kiện cho ba cơ sở đào tạo báo chí lớn nhất của Việt Nam hợp tác

với đại học City University London. Dự án *MediaPro* được xây dựng dựa trên những kết quả đạt được từ *MediaNet*. một chương trình hợp tác khác cũng do Quỹ Chương trình Chiến lược tài trợ và Hội đồng Anh thực hiện nhằm nâng cao năng lực cho các nhà báo.

- *Hỗ trợ Viện Nhân quyền Đan Mạch* hợp tác với Học viện Cảnh sát Nhân dân nhằm tăng cường việc áp dụng những tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền trong công tác thực thi luật pháp và hoạt động của lực lượng cảnh sát. Dự án sẽ tạo điều kiện cho cảnh sát Việt Nam và cảnh sát các nước chia sẻ kinh nghiệm về lý thuyết và thực hành, đồng thời trao đổi ý kiến về những mô hình đào tạo cảnh sát trong lĩnh vực điều tra tội phạm theo các nguyên tắc đảm bảo tôn trọng quyền con người.⁷

Có thể dẫn ra rất nhiều chương trình và dự án phát triển khác nữa mà các nước phương Tây triển khai ở Việt Nam thông qua các tổ chức phi chính phủ hay đại sứ quán của họ nhằm mục tiêu quảng bá hệ giá trị và các khuôn mẫu xã hội dân chủ của họ đến người dân các nước đang phát triển như hoạt động của Viện Goethe, Viện Konrad-Adenauer (KAS), Viện Friedrich-Erbert (FES) của Đức.

Tài liệu tham khảo

1. “*Cultures in ASEAN & the 21st Century*” . Edited by Edwin Thumboo. Published by UNIPress, 1998.

⁷ <http://ukinvietnam.fco.gov.uk/vi/about-us/working-with-vietnam/dfid-development/>

2. Beeson, Mark: *Regionalism and Globalization in East Asia, Politics, Security and Economic Development*. Palgrave MacMillan. 2006.
3. Birch, A.: *The Concepts and Theories of Modern Democracy*. London and New York. Routledge. 1993.
4. Black, J.-K. (Chủ biên): *Latin America, Its Problems and its Promise*. Boulder. Sanfrancisco. Oxford. 1991.
5. Chan, Steve. *East Asian Dynamism Growth Order*. Westview Press. 1993.
6. Chu Quang Ý, Không Triền: *Văn hoá và phát triển địa phương*. Bắc Kinh, 2000.
7. Cuningham, L./Reich, J. *Culture and Values*. Vol. I, New York 1982.
8. Cohen, Warren I.: *East Asia at the Center: Four Thousand Years of Engagement with the World*. New York: Columbia University Press. 2000.
9. Cohen, R. *Tinh dân tộc: Vấn đề trọng tâm trong nhân chủng học*. Hà Nội. 2005.
10. Coulmas, F./ Stalpers, J. *Das neue Asian (Một châu Á mới)*, Frankfurt/ New York 1998.
11. Daniels, Timothy: *Building Cultural Nationalism in Malaysia: Identity, Representation and Citizenship*. Routledge. 2004.
12. Franzen, W/ Haarland, Hans Peter/ Niessen, Hans-Joachim: *Osteuropa auf dem Weg in die Europäische Union*, Frankfurt/M., Germany. 2002.
13. Heimsath: *Indian Nationalism and Hindu Social Reforms*, Princeton University Press. USA. 1964.
14. Immanuel C. Y. Hsu: *The Rise of Modern China*, (the sixth edition), Oxford University Press. 1999.
15. Indermit Singh Gill (Chủ biên): *East Asian Visions: Perspectives on Economic Development*. The World Bank and the Institute for Policy Studies. 2007.
16. Clarke.J.-J.: *Oriental enlightenment the encounter between Asian and Western thought*, London; New York: Routledge. 1997.
17. Hersh, Jacques / Schmidt, Johannes/ Fold, Niels: *Social Change in South East Asia*, Peason, UK, 1997.
18. Kim, Samuel S. (Chủ biên): *East Asia and Globalization*, Rowman & Littlefield. 2000.
19. Lý Văn. *Biến đổi xã hội ở Đông Á*. Bắc Kinh. 2003.
20. Malley, L.S.S.O': *The Impact of European Civilization in Modern India and The West: A Study of the Interaction of Their Civilizations*, London, Oxford University Press. 1941.
21. Mario, Telò (Chủ biên): *European Union and New Regionalism*. Burlington, USA. 2001.
22. Schmitt, K. (Chủ biên): *Politik und Raum (Chính trị và không gian)*. Baden-Baden. 2002.
23. Schneider, L./ Silverman, A.: *Global Sociology (Xã hội học toàn cầu)*. Boston. Massachussts.1997.